

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

SỔ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 32494
Giờ: Ngày 8 tháng 11 năm 2010 Mã số

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	387,872,932,217	458,543,055,594
I. Tiền	110 V.1	2,528,046,263	18,017,887,858
1. Tiền	111	2,528,046,263	18,017,887,858
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	203,860,004,156	263,017,039,680
1. Phải thu khách hàng	131	22,127,022,789	92,193,064,477
2. Trả trước cho người bán	132	80,332,643,237	80,199,589,709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	136,752,362,599	140,548,490,398
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(35,352,024,469)	(49,924,104,904)
IV. Hàng tồn kho	140 V.4	153,505,000,892	146,954,106,796
1. Hàng tồn kho	141	291,392,625,691	284,841,731,594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(137,887,624,799)	(137,887,624,799)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	27,979,880,906	30,554,021,260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	11,484,990,278	11,639,133,304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	16,494,890,628	18,914,887,956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	473,238,603,671	455,852,602,607
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	65,347,251,322	65,810,441,868
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	65,347,251,322	65,810,441,868
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-

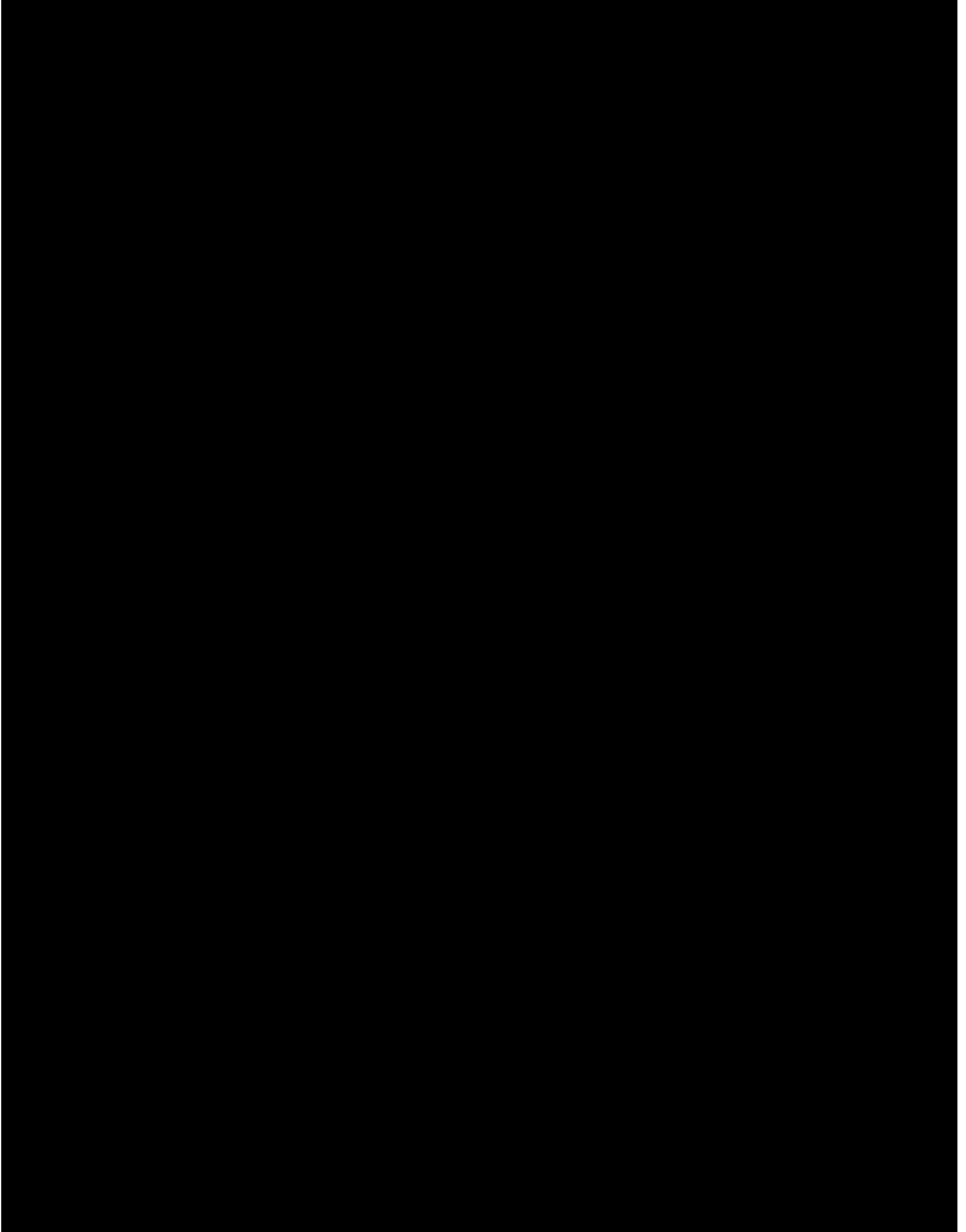
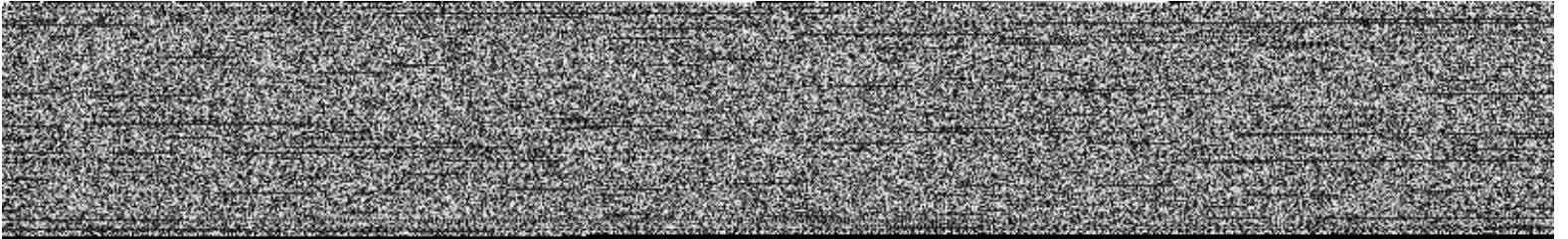
CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			30/09/2010	01/01/2010
II. Tài sản cố định	220		46,759,313,417	63,346,871,777
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	36,514,578,366	51,301,152,138
- Nguyên giá	222		76,980,643,582	101,100,426,125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40,466,065,216)	(49,799,273,987)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	10,244,735,051	12,045,719,639
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		345,675,575,000	308,605,575,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13a	17,868,375,000	17,868,375,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13b	326,192,000,000	289,122,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13c	1,615,200,000	1,615,200,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,456,463,932	18,089,713,962
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	15,456,463,932	18,089,713,962
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861,111,535,888	914,395,658,201



10. Lợi nhuận chưa phân phối 420 (380,109,942,381) (332,355,316,386)

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			30/09/2010	01/01/2010
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		861,111,535,888	914,395,658,201
			-	(0)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 05 tháng 11 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Tổng Giám đốc



LEE HSIEN PIN

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 3		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	6,581,976,470	50,345,342,784	40,238,553,314	218,483,532,039
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26			6,007,450	4,130,859,737
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27	6,581,976,470	50,345,342,784	40,232,545,864	214,352,672,302
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.28	5,900,004,078	46,400,886,260	35,903,544,098	199,967,672,593
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		681,972,392	3,944,456,524	4,329,001,766	14,384,999,709
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	348,747,034	749,343,620	1,750,746,746	1,013,367,856
7 Chi phí tài chính	22	VI.30	2,792,705,632	1,497,288,540	8,432,471,600	7,181,528,686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,791,266,632	1,219,380,385	8,430,501,992	6,484,398,164
8 Chi phí bán hàng	24					
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,060,633,080	14,196,238,192	30,367,670,301	40,853,313,812
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8,822,619,286)	(10,999,726,588)	(32,720,393,389)	(32,636,474,933)
11 Thu nhập khác	31		6,322,401,923	12,912,130,757	11,942,065,846	53,545,414,030
12 Chi phí khác	32		7,950,838,615	8,111,572,302	26,976,298,452	33,352,287,373
13 Lợi nhuận khác	40		(1,628,436,692)	4,800,558,455	(15,034,232,606)	20,193,126,657
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10,451,055,978)	(6,199,168,133)	(47,754,625,995)	(12,443,348,276)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			1,750,000,000	-	1,750,000,000
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10,451,055,978)	(7,949,168,133)	(47,754,625,995)	(14,193,348,276)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT



Bình Dương, ngày 05 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc

LEE HSIEN PIN

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			30/09/2010	30/09/2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(47,754,625,995)	(14,193,348,276)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		9,333,208,771	9,254,452,093
Các khoản dự phòng	3		(14,572,080,435)	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5		1,585,202,851	-
Chi phí lãi vay	6		8,430,501,992	7,181,528,686
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8		(42,977,792,816)	2,242,632,503
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		46,936,675,514	(66,928,689,620)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6,550,894,097	(14,294,549,281)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		2,785,846,318	26,952,706,556
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		2,633,250,030	(2,815,543,040)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3,036,952,418)	5,330,724,281
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,401,155,354)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,490,765,370	(49,512,718,601)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(33,971,145)	(4,916,609,032)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		3,558,318,181	31,456,251,031
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,524,347,036	26,539,641,999
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	158,194,579,620
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30,504,954,001)	(134,528,283,257)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30,504,954,001)	23,666,296,363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 462033000030 thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 10 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Full Power là : 329.999.910.000 đồng, bao gồm 32.999.991 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

02. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh:

Thiết kế thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp trong nhà máy và các toà nhà dân dụng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lạnh, trang trí nội ngoại thất, sân vườn ; Nhập khẩu các vật tư thiết bị trong nước chưa sản xuất được để phục vụ thi công. Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến điện đến 35KV; Sản xuất và lắp ráp- tủ điều khiển hộp nối điện, máng cáp, thang cáp, ngã rẽ ti treo và các loại phụ kiện điện khác; Gia công cắt cuộn, sơn phủ bề mặt kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất phụ kiện thiết bị ống công nghiệp, vật liệu cách điện, bồn chứa áp lực bằng kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất máy móc thiết bị dùng cho nâng hạ bốc dỡ và vận chuyển hàng hoá vật tư; Thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Nghiên cứu ươm trồng và kinh doanh cây cảnh hoa, Bonsai và cây công nghiệp;

Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống chống đột nhập cho các công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hệ thống chống đỡ phục vụ cho các công trình xây dựng tầng hầm; Sản xuất bê tông, các cấu kiện bằng bê tông; Sản xuất khung cửa, tường rào bằng kim loại; Sản xuất giàn giáo, cốt pha, các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ; Gia công thép; Sản xuất khung kèo (nhà tiền chế); Sản xuất gia công các loại đá; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao (gọi tắt là đầu tư khu công nghiệp); Đầu tư xây dựng trường kỹ thuật xây dựng; Kinh doanh bất động sản (đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình trên đất thuê để cho thuê lại đất đã có hạ tầng)

04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Theo nghị quyết đại hội bất thường Công ty Cổ phần Ful Power tổ chức vào ngày 19 tháng 09 năm 2009, còn một số vấn đề mà đại hội không thông qua nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính này vẫn chưa được xử lý. Cụ thể như sau :

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại đường D2 và D3, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM với Công ty Cổ phần Phú Đức. Công ty CP Full Power đã ứng trước tiền cho Công ty Phú Đức là 45 tỷ đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM với Công ty TNHH XD kinh doanh nhà Sang Anh. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 207, 705 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và kinh doanh khu cao ốc tại Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng. Công ty CP Full Power đã đầu tư góp vốn là 12,493 tỷ đồng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Niên độ kế toán năm:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : dựa theo đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Sản phẩm dở dang tồn kho là giá trị thi công – xây lắp các công trình còn dở dang. Giá trị xây dựng dở dang được xác định theo chi phí tích lũy cho từng hợp đồng thi công. Bao gồm Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cộng (+) chi phí nhân công trực tiếp cộng (+) chi phí quản lý thi công trực tiếp.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước - xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các công trình của công ty được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và sẽ được kết chuyển thành tài sản cố định khi công trình hoàn thành.

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

6.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong báo cáo tài chính của công ty con được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

6.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

6.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: không phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí thuê đất, công cụ dụng cụ, giàn giáo và các chi phí khác được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được treo lại trên Bảng Cân đối kế toán và đầu năm sau sẽ hoàn đảo lại.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2010: 18.544 đồng/ USD.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

01. Tiền:	30/09/2010	01/01/2010
- Tiền mặt	20,870,015	62,176,255
- Tiền gửi ngân hàng	2,507,176,248	17,955,711,603
Cộng	2,528,046,263	18,017,887,858
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	30/09/2010	01/01/2010
- Phải thu khác (*)	136,752,362,599	140,548,490,398
Cộng	136,752,362,599	140,548,490,398
<i>(*) : Chi tiết các khoản phải thu khác được trình bày tại phụ lục số 01 - trang 28 và 29.</i>		
04. Hàng tồn kho	30/09/2010	01/01/2010
- Nguyên liệu, vật liệu	21,094,724,458	22,087,072,966
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	270,297,901,233	262,754,658,628
Cộng giá gốc hàng tồn kho	291,392,625,691	284,841,731,594
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(137,887,624,799)	(137,887,624,799)

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

	Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	153,505,000,892	146,954,106,796
07. Các khoản phải thu dài hạn khác	30/09/2010	01/01/2010	
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,824,404,520	1,824,404,520	
- Phải thu dài hạn khác (*)	63,522,846,802	63,986,037,348	
Cộng	65,347,251,322	65,810,441,868	

(*) : Chi tiết các khoản phải thu dài hạn khác được trình bày tại phụ lục số 01 - trang 28 và 29.

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCD hữu hình						
Số dư đầu kỳ	20,769,633,479	43,849,088,649	15,930,061,712	10,485,698,674	10,065,943,611	101,100,426,125
- Mua trong kỳ		17,396,145		16,575,000	1,577,684,311	1,611,655,456
- Thanh lý, nhượng bán		(13,735,262,704)	(9,740,043,964)	(2,256,131,331)	-	(25,731,437,999)
Số dư cuối năm	20,769,633,479	30,131,222,090	6,190,017,748	8,246,142,343	11,643,627,922	76,980,643,582
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	7,282,731,489	19,208,611,840	12,455,919,192	8,125,830,268	2,726,181,198	49,799,273,987
- Khấu hao trong kỳ	778,861,260	3,977,496,767	779,804,777	804,989,789	820,682,613	7,161,835,206
- Thanh lý, nhượng bán		(6,529,238,767)	(7,766,733,647)	(2,199,071,563)		(16,495,043,977)
Số dư cuối năm	8,061,592,749	16,656,869,840	5,468,990,322	6,731,748,494	3,546,863,811	40,466,065,216
Giá trị còn lại của TSCD HH						
- Tại ngày đầu kỳ	13,486,901,990	24,640,476,809	3,474,142,520	2,359,868,406	7,339,762,413	51,301,152,138
- Tại ngày cuối năm	12,708,040,730	13,474,352,250	721,027,426	1,514,393,849	8,096,764,111	36,514,578,366

* Giá trị còn lại của TSCDHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.708.040.730VN D

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.086.094.271 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		30/09/2010	01/01/2010
- Tổng số chi phí XD CB dở dang		10,244,735,051	12,045,719,639
<i>Trong đó (Những công trình lớn):</i>			
+ Mua sắm tài sản trụ sở Full Power		-	856,175,221
+ Chi phí XD xưởng Khung kèo Nhơn Trạch		-	54,005,368
+ Chi phí XD xưởng Khung kèo 3		-	97,785,819
+ Chi phí xây dựng Nhà máy đá Nhơn Trạch		-	40,309,090
+ Chi phí xây dựng trụ sở chính full Power		-	721,509,090
+ Chi phí xây dựng CN Đồng Nai		3,731,634,951	3,731,634,951
+ Chi phí bồi thường đất ở Bắc Ninh		6,513,100,100	6,513,100,100
+ Xây dựng cơ bản khác		-	31,200,000
13. a. Đầu tư vào công ty con		30/09/2010	01/01/2010
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu		
- Công ty TNHH Lập Đức	70%	1,697,535,000	1,697,535,000
- Công ty TNHH Kiểu An	70%	1,690,710,000	1,690,710,000
- Công ty TNHH Kiến Quốc	70%	1,688,925,000	1,688,925,000
- Công ty TNHH Tường Tuấn	70%	1,690,710,000	1,690,710,000
- Công ty TNHH Thanh Mộc	70%	1,690,710,000	1,690,710,000
- Công ty TNHH Kiến Giai	70%	1,685,250,000	1,685,250,000
- Công ty TNHH Kiến Lương	70%	1,782,585,000	1,782,585,000
- Công ty TNHH liên hiệp Quốc Tế	70%	2,376,780,000	2,376,780,000
- Công ty TNHH Lập Thành	70%	1,782,585,000	1,782,585,000
- Công ty TNHH Thịnh Phong	70%	1,782,585,000	1,782,585,000
Cộng		17,868,375,000	17,868,375,000
b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		30/09/2010	01/01/2010
- Dự án khu dân cư Quận 9 (*)		68,924,000,000	68,924,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

- Dự án khu TM và VP cho thuê tại TP.Đà Nẵng (**)	12,493,000,000	12,493,000,000
- Dự án khu đất Quận 12 (***)	207,705,000,000	207,705,000,000
- Dự án khu CN Đức Mỹ - Long An (****)	37,070,000,000	-
Cộng	326,192,000,000	289,122,000,000

(*) : Dự án khu dân cư Quận 9 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP Phú Mỹ) để đầu tư vào giai đoạn 1 (quyền sử dụng đất) xây dựng khu dân cư tại Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2006,2007 nhưng đến nay vẫn chưa thu được hiệu quả và Công ty đang có kế hoạch thu hồi khoản chi phí đầu tư này.

(**) : Dự án khu TM và VP cho thuê tại TP.Đà Nẵng là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP Phú Mỹ) để đầu tư dự án khu cao ốc tại số 234 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng. Dự án này phát sinh từ năm 2006,2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/9/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

(***) : Dự án khu đất Quận 12 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH xây dựng kinh doanh phát triển nhà Sang Anh để đầu tư xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/9/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

(****) : Dự án khu CN Đức Mỹ - Long An là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Phú Mỹ để đầu tư vào dự án Cụm công nghiệp Đức Mỹ, giai đoạn 2 tại xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà Long, tỉnh Long An.

c. Đầu tư dài hạn khác	30/09/2010	01/01/2010
- Đầu tư vào Công ty TNHH Quốc tế TTE VN	1,615,200,000	1,615,200,000
Cộng	1,615,200,000	1,615,200,000

14. Chi phí trả trước dài hạn:	30/09/2010	01/01/2010
- Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần II	4,373,052,311	5,160,072,669
- Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Nhơn Trạch I	3,986,256,295	4,096,726,221
- Phần Mềm kế toán & máy vi tính	643,297,713	1,286,595,399
- Công cụ dụng cụ	147,520,313	351,245,556

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

- Chi phí sửa chữa văn phòng pasteur		83,389,690
- Chi phí sửa chữa văn phòng Cộng hòa		172,577,291
- Chi phí sửa chữa ký túc xá Full Power	302,533,286	605,066,570
- Chi phí bản đồ qua vệ tinh	329,006,188	526,409,902
- Chi phí xây dựng VP tạm tại CN Nhơn Trạch	5,639,293,545	5,807,630,664
- Chi phí sửa chữa Full cũ	35,504,281	
Cộng	15,456,463,932	18,089,713,962

15. Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2010	01/01/2010
- Vay ngắn hạn (*)	91,870,245,999	119,631,550,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	91,870,245,999	119,631,550,000

(*) Khoản vay ngắn hạn đến ngày 30/09/2010 bao gồm:

+ Vay ngắn hạn NH Ngoại thương CN Sóng Thần 7,495,045,999

Khoản vay ngắn hạn này là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0119/TD8/08LD ngày 28/10/2008 và hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 001/HDSĐ và số 002/HDSĐ ngày 30/03/2009 đính kèm hợp đồng số 0050/2007/VCB-ST ngày 01/11/2007. Theo đó, hạn mức cho vay của hợp đồng này là 38 tỷ đồng. Lãi suất vay theo thông báo của Ngân hàng theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và nhà xưởng theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0242/NHNT-07ST ngày 01/11/2007, số 0243/NHNT-07ST ngày 01/11/2007, số 0088/NHNT-09ST ngày 30/03/2009.

+ Vay ngắn hạn Ông Lin Chen Hai 84,375,200,000

Tương đương 4,550,000.00 USD

Khoản vay ngắn hạn này là khoản vay theo bản thoả thuận cho vay tiền số 05-09/LA ngày 05/06/2009 giữa ba bên là Ông Lin Chen Hai, Công ty cổ phần Full Power và Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ. Theo thoả thuận này Công ty cổ phần Full Power sẽ được Ông Lin CHen Hai cho vay số tiền là 5.000.000 USD, lãi suất vay là 7,5%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toạ lạc tại phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Quyền sử dụng đất của thửa đất này do hai bên Công ty cổ phần Full Power và Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ cùng hợp tác kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

	30/09/2010	01/01/2010
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế GTGT đầu ra		2,485,747,173
- Thuế GTGT nhà thầu		651,967,810
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	14,321,403
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,747,924,917	8,149,080,271
- Thuế Thu nhập cá nhân	1,477,892,053	1,014,135,759
- Các loại thuế khác - thuế TNDN nhà thầu	629,211,110	285,600,921
Cộng	8,855,028,080	12,600,853,337
17. Chi phí phải trả	30/09/2010	01/01/2010
- Phí kiểm toán		304,997,000
- Trích trước chi phí công trình	-	28,671,133,248
- Trích trước lãi vay	8,846,313,422	3,357,665,625
Cộng	8,846,313,422	32,333,795,873
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2010	01/01/2010
- Kinh phí công đoàn	745,500	1,407,000
- Bảo hiểm xã hội	17,534,534	46,493,908
- Bảo hiểm y tế	7,304,574	6,857,600
- Phải trả khác (*)	111,705,987,905	106,992,792,258
Cộng	111,731,572,513	107,047,550,766

(*) : Chi tiết các khoản phải trả khác được trình bày tại phụ lục số 03 - trang 30 và 31.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước (ngày 01/01/2009)	329,999,910,000	550,000,000,000	2,512,227,222	5,097,330,938	-	(58,943,757,366)	950,968,094,801
- Lãi (lỗ) trong năm trước 2009						(273,411,559,020)	(273,411,559,020)
- Giảm khác trong năm 2009					(651,841,980)		(651,841,980)
Số dư cuối năm trước (ngày 31/12/2009)	329,999,910,000	550,000,000,000	2,512,227,222	5,097,330,938	(651,841,980)	(332,355,316,386)	554,602,309,794
Số dư đầu kỳ này (ngày 01/01/2010)	329,999,910,000	550,000,000,000	2,512,227,222	5,097,330,938	(651,841,980)	(332,355,316,386)	554,602,309,794
- Lãi (lỗ) trong kỳ này (9 tháng đầu năm 2010)						(47,754,625,995)	(47,754,625,995)
- Giảm khác					(2,743,650,000)		(2,743,650,000)
Số dư cuối kỳ này (ngày 30/09/2010)	329,999,910,000	550,000,000,000	2,512,227,222	5,097,330,938	(3,395,491,980)	(380,109,942,381)	504,104,033,799

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Kỳ này			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn góp	329,999,910,000	329,999,910,000	-	329,999,910,000	329,999,910,000	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	550,000,000,000	550,000,000,000	-	550,000,000,000	550,000,000,000	-
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	879,999,910,000	879,999,910,000	-	879,999,910,000	879,999,910,000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2010	Năm 2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	329,999,910,000	329,999,910,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	329,999,910,000	329,999,910,000
	30/09/2010	01/01/2010
	%	Số vốn
Bao gồm :		Số vốn
Ông Chen Li Hsun	8.34%	27,533,360,000
Ông Lin Chen Hai	18.67%	61,600,000,000
Ông Lin Yi Huang	0.01%	34,350,000
Ông Tomg Jenn Shiaw	0.23%	769,280,000
Ông Yen Li Chuan	12.58%	41,500,000,000
Ông Yen Li Cheng	12.58%	41,500,000,000
Các cổ đông khác	47.59%	157,062,920,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu	30/09/2010	Năm 2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32,999,991	32,999,991
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32,999,991	32,999,991
+ Cổ phiếu phổ thông	32,999,991	32,999,991
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32,999,991	32,999,991
+ Cổ phiếu phổ thông	32,999,991	32,999,991
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3_2010	Quý 3_2009
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	6,581,976,470	50,345,342,784
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	6,581,976,470	50,345,342,784
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	6,581,976,470	50,345,342,784
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
- Doanh thu thuần của hợp đồng xây dựng	6,581,976,470	50,345,342,784
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 3_2010	Quý 3_2009
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5,900,004,078	46,400,886,260
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	5,900,004,078	46,400,886,260
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 3_2010	Quý 3_2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	348,747,034	749,343,620
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	348,747,034	749,343,620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 3_2010	Quý 3_2009
- Lãi tiền vay	2,791,266,632	1,219,380,385
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,439,000	277,908,155

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

3. Thông tin với các bên liên quan

b. Vào ngày 30/09/2010, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
			<i>Phải thu, (phải trả)</i>
Công ty cổ phần TM XD Phú Mỹ		Góp vốn hợp tác kinh doanh (dự án đầu tư ở Quận 9 - Tp.HCM, dự án ở Tp.Đà Nẵng và dự án KCN Đức Mỹ - Long An)	118,487,000,000
Công ty TNHH XD KD PT nhà Sang Anh	Công ty có liên quan	Góp vốn hợp tác kinh doanh (dự án đầu tư ở Quận 12 - Tp.HCM)	207,705,000,000
Ông Lin Chen Hai	Cổ đông	Khoản đi vay	(84,375,200,000)
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(11,703,971,272)
Ông Chen Li Hsun	Cổ đông	Phải thu khác	13,478,550,191
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(10,171,313,434)
Ông Torng Jenn Shiaw	Cổ đông	Phải thu khác	1,836,194,122
		Phải trả khác - cổ tức năm 2007 chưa chi	(146,162,841)

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp thì một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được thay đổi vị trí so với hướng dẫn của Quyết định 15/2006/QĐ-BTC

CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

		Theo Quyết định 15 (SDCK ngày 31/12/2009)	Theo Thông tư 244 (SĐDK ngày 01/01/2010)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Mã số 323	-	865,624,755
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Mã số 431	865,624,755	-

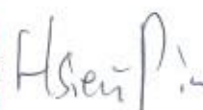
Bình Dương, ngày 05 tháng 11 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Tổng Giám đốc



LEE HSIEN PIN